

THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC - HỌC KÌ II

Năm học	Năm học: 2024-2025
Trường :	TH xã Thanh Yên

1. Chất lượng giáo dục

	Số	Tổng số HS có KQDG	Lớp 1					Lớp 2					Lớp 3					Lớp 4					Lớp 5				
			Tổng số HS có KQDG	Trong tổng số				Tổng số HS có KQDG	Trong tổng số				Tổng số HS có KQDG	Trong tổng số				Tổng số HS có KQDG	Trong tổng số				Tổng số HS có KQDG	Trong tổng số			
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép
1. Kết quả học tập																											
1. Tiếng Việt	584	584	111	56	71	40		117	51	70	32		136	71	102	55	3	122	52	84	34	1	98	46	66	31	2
Hoàn thành tốt		453	87	50	55	35		97	46	55	28		108	65	77	50		88	46	55	28	1	73	41	47	27	1
Hoàn thành		128	21	6	13	5		20	5	15	4		28	6	25	5	3	34	6	29	6		25	5	19	4	1
Chưa hoàn thành		3	3		3																						
2. Toán	584	584	111	56	71	40		117	51	70	32		136	71	102	55	3	122	52	84	34	1	98	46	66	31	2
Hoàn thành tốt		446	87	50	54	35		92	43	52	27		110	64	79	49	1	83	43	50	25	1	74	40	49	27	
Hoàn thành		138	24	6	17	5		25	8	18	5		26	7	23	6	2	39	9	34	9		24	6	17	4	2
Chưa hoàn thành																											
3. Đạo đức	584	584	111	56	71	40		117	51	70	32		136	71	102	55	3	122	52	84	34	1	98	46	66	31	2
Hoàn thành tốt		457	86	50	54	35		89	42	51	27		109	64	78	49		95	45	60	27	1	78	41	51	27	1
Hoàn thành		127	25	6	17	5		28	9	19	5		27	7	24	6	3	27	7	24	7		20	5	15	4	1
Chưa hoàn thành																											
4. Tự nhiên và Xã hội	364	364	111	56	71	40		117	51	70	32		136	71	102	55	3										
Hoàn thành tốt		284	86	50	54	35		90	42	52	27		108	64	77	49											
Hoàn thành		80	25	6	17	5		27	9	18	5		28	7	25	6	3										
Chưa hoàn thành																											
5. Khoa học	220	220																122	52	84	34	1	98	46	66	31	2
Hoàn thành tốt		170																91	45	58	27	1	79	41	54	28	
Hoàn thành		50																31	7	26	7		19	5	12	3	2
Chưa hoàn thành																											
6. LS&DL	220	220																122	52	84	34	1	98	46	66	31	2
Hoàn thành tốt		166																89	45	56	27	1	77	42	50	28	
Hoàn thành		54																33	7	28	7		21	4	16	3	2
Chưa hoàn thành																											
7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	584	584	111	56	71	40		117	51	70	32		136	71	102	55	3	122	52	84	34	1	98	46	66	31	2
Hoàn thành tốt		441	88	50	55	35		86	42	51	27		107	64	76	49		85	43	53	26	1	75	40	51	27	1
Hoàn thành		143	23	6	16	5		31	9	19	5		29	7	26	6	3	37	9	31	8		23	6	15	4	1
Chưa hoàn thành																											
8. Nghệ thuật (Mỹ thuật)	584	584	111	56	71	40		117	51	70	32		136	71	102	55	3	122	52	84	34	1	98	46	66	31	2
Hoàn thành tốt		440	87	50	55	35		86	42	51	27		109	64	78	49		82	42	51	25	1	76	41	50	27	1
Hoàn thành		144	24	6	16	5		31	9	19	5		27	7	24	6	3	40	10	33	9		22	5	16	4	1
Chưa hoàn thành																											
9. Hoạt động trải nghiệm	584	584	111	56	71	40		117	51	70	32		136	71	102	55	3	122	52	84	34	1	98	46	66	31	2
Hoàn thành tốt		449	87	50	55	35		86	42	51	27		106	63	75	48		92	46	59	28	1	78	40	51	26	1
Hoàn thành		135	24	6	16	5		31	9	19	5		30	8	27	7	3	30	6	25	6		20	6	15	5	1
Chưa hoàn thành																											
10. Giáo dục thể chất	584	584	111	56	71	40		117	51	70	32		136	71	102	55	3	122	52	84	34	1	98	46	66	31	2

Hoàn thành tốt		452	88	50	55	35		88	42	53	27			106	63	75	48			91	44	58	27		1	79	40	54	27		1
Hoàn thành		132	23	6	16	5		29	9	17	5			30	8	27	7		3	31	8	26	7			19	6	12	4		1
Chưa hoàn thành																															
11. TH-CN (Công nghệ)	356	356												136	71	102	55		3	122	52	84	34		1	98	46	66	31		2
Hoàn thành tốt		271												99	59	72	46			97	46	63	28		1	75	41	51	28		1
Hoàn thành		85												37	12	30	9		3	25	6	21	6			23	5	15	3		1
Chưa hoàn thành																															
12. TH-CN (Tin học)	584	356												136	71	102	55		3	122	52	84	34		1	98	46	66	31		2
Hoàn thành tốt		278												110	65	79	50			91	45	57	27		1	77	40	53	27		1
Hoàn thành		78												26	6	23	5		3	31	7	27	7			21	6	13	4		1
Chưa hoàn thành																															
13. Ngoại ngữ	584	584	111	56	71	40		117	51	70	32			136	71	102	55		3	122	52	84	34		1	98	46	66	31		2
Hoàn thành tốt		444	86	50	54	35		88	42	51	27			108	63	77	48			90	45	56	27		1	72	40	47	27		1
Hoàn thành		140	25	6	17	5		29	9	19	5			28	8	25	7		3	32	7	28	7			26	6	19	4		1
Chưa hoàn thành																															
14. Tiếng dân tộc	584																														
Hoàn thành tốt																															
Hoàn thành																															
Chưa hoàn thành																															
II. Năng lực cốt lõi																															
Năng lực chung																															
Tự chủ và tự học	584	584	111	56	71	40		117	51	70	32			136	71	102	55		3	122	52	84	34		1	98	46	66	31		2
Tốt		433	87	50	55	35		84	41	49	26			105	62	74	47			84	45	52	27		1	73	40	49	27		1
Đạt		149	22	6	14	5		33	10	21	6			31	9	28	8		3	38	7	32	7			25	6	17	4		1
Cần cố gắng		2	2		2																										
Giao tiếp và hợp tác	584	584	111	56	71	40		117	51	70	32			136	71	102	55		3	122	52	84	34		1	98	46	66	31		2
Tốt		433	87	50	55	35		85	42	49	27			104	61	73	46			84	43	51	25		1	73	40	49	27		1
Đạt		150	23	6	15	5		32	9	21	5			32	10	29	9		3	38	9	33	9			25	6	17	4		1
Cần cố gắng		1	1		1																										
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	584	584	111	56	71	40		117	51	70	32			136	71	102	55		3	122	52	84	34		1	98	46	66	31		2
Tốt		429	87	50	55	35		83	40	49	26			104	61	73	46			82	43	50	25		1	73	40	49	27		1
Đạt		153	22	6	14	5		34	11	21	6			32	10	29	9		3	40	9	34	9			25	6	17	4		1
Cần cố gắng		2	2		2																										
Năng lực đặc thù																															
Ngôn ngữ	584	584	111	56	71	40		117	51	70	32			136	71	102	55		3	122	52	84	34		1	98	46	66	31		2
Tốt		434	87	50	55	35		87	43	50	27			103	61	72	46			83	43	52	26		1	74	40	48	26		1
Đạt		148	22	6	14	5		30	8	20	5			33	10	30	9		3	39	9	32	8			24	6	18	5		1
Cần cố gắng		2	2		2																										
Tính toán	584	584	111	56	71	40		117	51	70	32			136	71	102	55		3	122	52	84	34		1	98	46	66	31		2
Tốt		433	88	50	55	35		84	40	49	26			105	61	74	46			82	43	51	26		1	74	39	50	26		1
Đạt		151	23	6	16	5		33	11	21	6			31	10	28	9		3	40	9	33	8			24	7	16	5		1
Cần cố gắng																															
Tin học	356	356												136	71	102	55		3	122	52	84	34		1	98	46	66	31		2
Tốt		268												105	61	74	46			90	45	57	27		1	73	39	49	26		1
Đạt		88												31	10	28	9		3	32	7	27	7			25	7	17	5		1
Cần cố gắng																															
Công nghệ	356	356												136	71	102	55		3	122	52	84	34		1	98	46	66	31		2

Tốt		266														105	61	74	46				87	43	55	26			1	74	39	50	26			1
Đạt		90														31	10	28	9			3	35	9	29	8			1	24	7	16	5			1
Cần cố gắng																																				
Khoa học	584	584	111	56	71	40			117	51	70	32				136	71	102	55			3	122	52	84	34		1	98	46	66	31			2	
Tốt		435	87	50	55	35			84	40	49	26				104	61	73	46				88	44	57	27		1	72	38	49	26			1	
Đạt		149	24	6	16	5			33	11	21	6				32	10	29	9			3	34	8	27	7			26	8	17	5			1	
Cần cố gắng																																				
Thâm mĩ	584	584	111	56	71	40			117	51	70	32				136	71	102	55			3	122	52	84	34		1	98	46	66	31			2	
Tốt		440	87	50	55	35			86	43	51	28				104	61	73	46				90	43	57	26		1	73	41	48	27			1	
Đạt		144	24	6	16	5			31	8	19	4				32	10	29	9			3	32	9	27	8			25	5	18	4			1	
Cần cố gắng																																				
Thế chất	584	584	111	56	71	40			117	51	70	32				136	71	102	55			3	122	52	84	34		1	98	46	66	31			2	
Tốt		442	88	50	55	35			84	40	51	27				106	61	75	46				89	44	57	27		1	75	39	51	27			1	
Đạt		142	23	6	16	5			33	11	19	5				30	10	27	9			3	33	8	27	7			23	7	15	4			1	
Cần cố gắng																																				
III. Phẩm chất chủ yếu																																				
Yêu nước	584	584	111	56	71	40			117	51	70	32				136	71	102	55			3	122	52	84	34		1	98	46	66	31			2	
Tốt		571	105	53	65	37			112	48	69	31				134	71	100	55			3	122	52	84	34		1	98	46	66	31			2	
Đạt		13	6	3	6	3			5	3	1	1				2		2																		
Cần cố gắng																																				
Nhân ái	584	584	111	56	71	40			117	51	70	32				136	71	102	55			3	122	52	84	34		1	98	46	66	31			2	
Tốt		538	101	52	63	37			107	47	66	31				119	66	88	51				120	51	84	34		1	91	44	62	29			2	
Đạt		46	10	4	8	3			10	4	4	1				17	5	14	4			3	2	1					7	2	4	2				
Cần cố gắng																																				
Chăm chỉ	584	584	111	56	71	40			117	51	70	32				136	71	102	55			3	122	52	84	34		1	98	46	66	31			2	
Tốt		446	87	50	55	35			85	41	50	27				105	61	74	46				85	44	52	26		1	84	43	58	29			2	
Đạt		138	24	6	16	5			32	10	20	5				31	10	28	9			3	37	8	32	8			14	3	8	2				
Cần cố gắng																																				
Trung thực	584	584	111	56	71	40			117	51	70	32				136	71	102	55			3	122	52	84	34		1	98	46	66	31			2	
Tốt		486	87	50	55	35			94	44	56	29				107	62	76	47				110	51	73	33		1	88	43	61	29			2	
Đạt		98	24	6	16	5			23	7	14	3				29	9	26	8			3	12	1	11	1			10	3	5	2				
Cần cố gắng																																				
Trách nhiệm	584	584	111	56	71	40			117	51	70	32				136	71	102	55			3	122	52	84	34		1	98	46	66	31			2	
Tốt		460	87	50	55	35			87	42	50	27				106	61	75	46				96	45	63	29		1	84	43	58	29			2	
Đạt		124	24	6	16	5			30	9	20	5				30	10	27	9			3	26	7	21	5			14	3	8	2				
Cần cố gắng																																				
IV. Đánh giá KQGD	584	584	111	56	71	40			117	51	70	32				136	71	102	55			3	122	52	84	34		1	98	46	66	31			2	
- Hoàn thành xuất		149	30	19	13	8			29	15	15	9				28	19	21	13				33	22	16	12			29	20	18	15				
- Hoàn thành tốt□		274	55	31	41	27			63	27	37	18				77	43	52	33				46	20	32	13			33	16	21	9				
- Hoàn thành	158	23	6	14	5				25	9	18	5				31	9	29	9			3	43	10	36	9		1	36	10	27	7			2	
- Chưa hoàn thành□		3	3		3																															
V. Khen thưởng	316	49	30	28	17				50	25	26	16				81	52	48	34				78	40	44	22			58	35	38	24				
- Giấy khen cấp trường	274	49	30	28	17				50	25	26	16				63	41	40	28				59	33	33	19			53	32	34	22				
- Giấy khen cấp trên		42														18	11	8	6				19	7	11	3			5	3	4	2				
VI. HSDT được trợ giảng																																				
VII. H.S.K.Tật		6														3		1				3	1		1			1	2	1	1				2	
VIII. HS bỏ học kỳ II																																				

[illegible]